

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RC10+TD2	7:25	22+0+0	0+0+0		0+0+15	0+0+0	chuyen 12 pax td2-rc10
2		TD2+P1+P8	9:25	11+0+11	0+0+0		2+3+11	0+0+0	chuyen 3 p1- p8

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2 - RC10 - TD2.	CREW: Hạnh - N.ANH - PTUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	35	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ SĨ HOÀI THANH	TD2	28	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
3	TRƯƠNG THANH TÙNG	TD2	32	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
4	LÝ ANH TUÂN	TD2	52-53	2	11		80	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN HÙNG	TD2	37	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ THANH TÙNG	TD2	30	1	12	70	70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	39	1	5	30	56	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ TOÀN THẮNG	TD2	31	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ XUÂN HAI	TD2	45	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
10	MAI VĂN HOÀNG	TD2	29	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
11	CAO VĂN LỢI	TD2	47	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
12	GONCHAROV SERGEY	TD2	36	1	8		100	KHOAN	Russian
13	TRẦN QUANG KÝ	TD2	40-42	3	19		65	DMC-MI	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY KIỆM	TD2	38	1	10		70	D-HANH	Vietnamese
15	TRẦN VĂN MINH	TD2	49-50	2	11		65	KHOAN	Vietnamese
16	YUKHIMCHUK	TD2	51	1	10		83	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD2	48	1	13		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC KHÔI	TD2	43	1	14		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN AN NINH	TD2	44	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC HÙNG	TD2	46	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THAI AN	TD2	33	1	12		70	DVL	Vietnamese
22	DƯƠNG MINH VIỆT	TD2	34	1	6		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

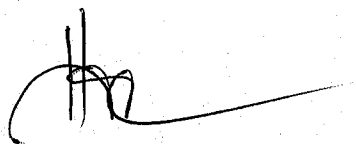
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	26	212	1.568	100	0+12		chuyen 12 pax tu td2 sang rc10
2	RC10	0	0	0	0	0	0		
3	TD2.	0	0	0	0	0	17		
TOTAL		22	26	212	1.568	100	17		
WEIGHT KG				212	1.568	100			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

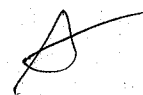
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 02	TO: TD2 - P1 - P8	CREW: Hạnh - N.ANH - PTUẤN	ETA: 11:20
CAM02			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TUẤN ĐẠT	TD2	76	1	9		90	XAYLAP	Vietnamese
2	VU TRỌNG HỒE	TD2	63-64	2	13		73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THẮNG	TD2	66-67	2	18		54	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THOONG	TD2	73	1	7	18	57	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHẮC QUY	TD2	65	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN KHẮC THO	TD2	61-62	2	18	17	66	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐOÀN CÔNG MẠNH	TD2	70-71	2	14		75	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ PHÚ TỎA	TD2	68	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM PHƯƠNG DUNG	TD2	72	1	14		73	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN MINH	TD2	60	1	7		88	PSV	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH GIANG	TD2	75	1	10		68	PSV	Vietnamese
12	FIRSOV EVGENII	P8	57	1	8		100	KHOAN	Russian
13	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	P8	52-53	2	10		84	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG HOAN	P8	51	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THAI DƯƠNG	P8	50	1	10		53	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH TÍNH	P8	48	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN PHAN	P8	56	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẠU CAO KHANG	P8	54	1	9		50	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	P8	46	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
20	NGÔ HỒNG GIANG	P8	49	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN LÊN	P8	55	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HÙNG	P8	47	1	6		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	11	15	125	779	35	2		CHUYEN 3 PAX P1-P8
2	P1	0	0	0	0	0	3	3	
3	P8	11	12	87	779	0	11		
TOTAL		22	27	212	1.558	35	16		
WEIGHT KG				212	1.558	35			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/02/2023	TO: BK4 - TD1 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường -	ETA: 09:20
XANH-1		QTrường	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ HOANG NAM	BK4				55	75	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	40	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN NAM	TD1	39	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LANG	TD1	43	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ QUỐC BAO	TD1	41-42	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÌNH XUÂN HÒA	TD1	01-02	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG ANH TUAN	TD1	03	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1	04	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
9	BUI XUAN KHOA	TD1	05	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
10	MAI ANH TUAN	TD1	06	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN ĐĂNG LAM	TD1	09	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MINH HOANG	TD1	08	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN ĐÌNH NAM	TD1	07	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	DƯƠNG THANH TÙNG	TD1	10	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
15	SOTRIVEX IGOR	TD1	11	1	7		105	KHOAN	Russian
16	PHẠM VĂN PHƯƠNG HÙNG	TD1	12	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	98-99	2	10	80	65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	39	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	40	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	42	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	43	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
22	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	1	0	0	75	55	0		
2	TD1	15	17	111	1.089	0	15		
3	TD5	6	7	39	407	80	7		
TOTAL		22	24	150	1.571	135	22		
WEIGHT KG				150	1.571	135			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+TD1+TD5	7:25	1+15+6	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
2		TD5+TD3	9:25	9+13	0+0		6+16	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/02/2023	TO: BK4 - TD1 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường -	ETA: 09:20
XANH-1		QTrường	

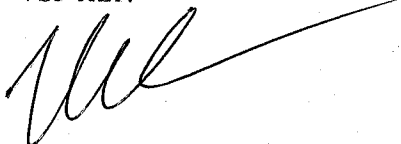
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ HOANG NAM	BK4				55	75	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	40	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN NAM	TD1	39	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LANG	TD1	43	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ QUỐC BẢO	TD1	41-42	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÌNH XUÂN HÒA	TD1	01-02	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG ANH TUÂN	TD1	03	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1	04	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
9	BUI XUAN KHOA	TD1	05	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
10	MAI ANH TUÂN	TD1	06	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	09	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MINH HOANG	TD1	08	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	07	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	DƯƠNG THANH TÙNG	TD1	10	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
15	SOTRIVEX IGOR	TD1	11	1	7		105	KHOAN	Russian
16	PHẠM VĂN PHƯƠNG HUNG	TD1	12	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
17	VU TRỌNG HẠCH	TD5	98-99	2	10	80	65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	39	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	40	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	42	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	43	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
22	TRỊNH ANH TRƯỜNG	TD5	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

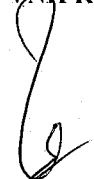
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	1	0	0	75	55	0		
2	TD1	15	17	111	1.089	0	15		
3	TD5	6	7	39	407	80	7		
TOTAL		22	24	150	1.571	135	22		
WEIGHT KG				150	1.571	135			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

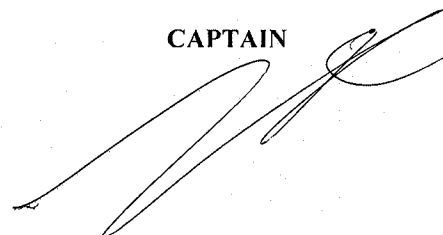
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/02/2023	TO: TD5 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường -	ETA: 11:40
XANH-2		QTrường	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA QUỐC DUNG	TD5	47	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VINH DUY	TD5	51	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	48	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM ĐĂNG KHÔI	TD5	52	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DINH HUYNH	TD5	50	1	2		85	KHOAN	Vietnamese
6	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	49	1	3		87	KHOAN	Vietnamese
7	VU MINH ĐỨC	TD5	53-54	2	18	56	95	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC MINH	TD5	60	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐĂNG NGOC	TD5	500	1	4		75	PSV	Vietnamese
10	HOANG VAN THƯƠNG	TD3	89,30	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	84	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG MINH TOAN	TD3	82	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
13	LAI THE DAT	TD3	27	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
14	ĐAO TIEN THIET	TD3	28	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ ANH THOẠI	TD3	29	1	5		99	KHOAN	Vietnamese
16	HỒ SĨ PHỤNG	TD3	24	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	25	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	80	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	26	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
20	KHUC THAI HOA	TD3	90	1	10		67	DMC-MI	Vietnamese
21	LÊ VĂN HÙNG	TD3	83	1	10		72	DMC-MI	Vietnamese
22	PHẠM XUÂN HIỆU	TD3	81	1	3		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	9	10	69	704	56	6		
2	TD3	13	14	75	948	0	16		
TOTAL		22	24	144	1.652	56	22		
WEIGHT KG				144	1.652	56			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

